

Số:

Hậu Giang, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16
tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ
Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói
thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;
Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;
Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ
về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Chỉ thị số 13/CT-
TTg ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền
vững; Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm
nhìn đến năm 2030; Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2014 của
Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ
môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số
491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025,*

tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 1948/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Tập trung quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải nuôi trồng thủy sản, bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, khu vực công cộng; cảnh quan môi trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Đối tượng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động, làm việc và sinh sống trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường; kiểm soát ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải sản xuất nông nghiệp; nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đảm bảo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường trong xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và tiêu chí văn minh đô thị; cải thiện cảnh quan môi trường đô thị và nông thôn để hướng đến xây dựng Hậu Giang “xanh - sạch - đẹp”.

b) Mục tiêu cụ thể: Giai đoạn 2021- 2025: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đảm bảo 100% hộ dân được tiếp cận; phần đầu 90% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ở đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phần đầu 50% hộ gia đình ở nội ô đô thị lớn (thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và thị xã Long Mỹ) thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; phần đầu 50% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại hộ gia đình ở nông thôn được thu gom, xử lý tập trung hoặc tự xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; riêng đối với các xã nông thôn mới nâng cao đạt từ 95% trở lên; phần đầu 100% hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; phần đầu 50% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng quy định. Phần đầu 100% tuyến đường xã, liên xã được trồng cây xanh. Cải tạo cảnh quan

môi trường trụ sở, cơ quan, trường học, công viên, nơi công cộng khác; hoàn thành cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Tân Tiến - Thành phố Vị Thanh và bãi rác Long Mỹ - Thị xã Long Mỹ.

Đến năm 2030: Phấn đấu 100% lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; duy trì và mở rộng thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh; phấn đấu 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại hộ gia đình ở nông thôn được thu gom, xử lý tập trung hoặc tự xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; riêng đối với các xã nông thôn mới nâng cao đạt từ 95% trở lên; phấn đấu 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng quy định; duy trì các chỉ tiêu thực hiện đạt 100% trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Nhiệm vụ triển khai thực hiện

- a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.
- b) Kiểm soát ô nhiễm từ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; hoàn thành cải tạo và khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Kinh Cùng; đóng cửa và khắc phục ô nhiễm môi trường các bãi rác Tân Tiến, bãi rác Long Mỹ sau khi Nhà máy điện rác hoàn thành.
- c) Nâng cao mật độ cây xanh tại trục lộ giao thông; cải thiện và nâng cao cảnh quan môi trường tại khu vực công cộng ở đô thị, khu vực nông thôn.

4. Các nhóm giải pháp chủ yếu

- a) Nhóm giải pháp về tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.
- b) Nhóm giải pháp về tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường.
- c) Nhóm giải pháp về tăng cường nguồn lực cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; nâng cao cảnh quan môi trường trục lộ giao thông, khu vực công cộng.
- d) Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ trong phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; sản xuất nông nghiệp nhằm giảm lượng phát thải bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tái sử dụng phế phẩm nông nghiệp.
- đ) Nhóm giải pháp về đa dạng hóa các nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên.

5. Lộ trình thực hiện

Lộ trình thực hiện chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 2021 - 2025 có 11 nhiệm vụ, giai đoạn 2026 - 2030 có 04 nhiệm vụ; từng giai đoạn cụ thể các nội dung thực hiện của từng năm tương ứng với các chỉ tiêu của Đề án.

(Đính kèm Danh mục nhiệm vụ ưu tiên)

6. Dự kiến nguồn vốn thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 1.947.020.860.000 (một nghìn chín trăm bốn mươi bảy tỷ không trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó:

a) Giai đoạn 2021 - 2025: 1.623.468.960.000 đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn đầu tư phát triển là 76.154.880.000 đồng, từ nguồn vốn thường xuyên là 138.664.080.000 đồng; đề nghị Trung ương hỗ trợ là 51.900.000.000 đồng; xã hội hóa là 1.356.750.000.000 đồng (Doanh nghiệp: 1.340.000.000.000 đồng; vận động Nhân dân đóng góp: 36.550.000.000 đồng).

b) Giai đoạn 2026 - 2030: 323.551.900.000 đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn thường xuyên là 286.601.900.000 đồng; xã hội hóa là 36.950.000.000 đồng (Doanh nghiệp: 400.000.000 đồng; vận động Nhân dân đóng góp: 36.550.000.000 đồng).

(Đính kèm Đề án)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- VPQH; VPCP (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH, VP. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền

DANH MỤC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

(Đính kèm theo Nghị quyết số: /2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
Khóa IX Kỳ họp thứ 19)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Nguồn kinh phí (nghìn đồng)				Tổng (nghìn đồng)
							Ngân sách địa phương		Trung ương	Xã hội hóa	
							Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
A	Giai đoạn 2021 - 2025						76.154.880	138.664.080	51.900.000	1.356.750.000	1.623.468.960
I	Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý CTRSH, chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản và bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, bảo vệ cảnh quan môi trường						-	19.404.500	-	-	19.404.500
1	Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý CTRSH, chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản và bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, bảo vệ cảnh quan môi trường	Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cộng đồng về quản lý CTRSH, chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và bảo vệ, cải tạo cảnh quan môi trường	2021-2022	Biên soạn, in ấn liệu tuyên truyền: 336.450 tờ bướm: - Tài liệu về quản lý CTRSH : 202.680 tờ bướm. - Tài liệu về quản lý chất thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: 133.770 tờ bướm.	Sở TN&MT	- Sở TT&TT; - Các Sở, ngành có liên quan; - UBND cấp huyện.		3.364.500			19.404.500
2021			Tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ làm công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành (01 lớp cho các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; 01 lớp cho MTTQ các cấp; 01 lớp cho Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp; 01 lớp cho Hội nông dân các cấp; 01 lớp cho Đoàn thanh niên các cấp).	Sở TN&MT	- Các Sở, ngành có liên quan; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể tỉnh; - UBND cấp huyện; - UBND cấp xã.		100.000				
2011-2025			Lắp đặt pano tuyên truyền (1 băng/ấp, khu vực x 525 ấp, khu vực = 525 pano).	Sở TN&MT	- Sở TT&TT; Sở GTVT; Sở VH&DL; - UBND cấp huyện; - UBND cấp xã.		1.575.000				
2021-2025			Xây dựng chuyên đề phát trên các phương tiện thông tin đại chúng (4 chuyên đề/năm x 5 năm = 20 chuyên đề)	Sở TN&MT	- Sở TT&TT; - Đài PTTH Hậu Giang.		1.000.000				
2021-2025			Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức và ý thức cho người dân (202.680 hộ x 80% là hội viên các tổ chức đoàn thể x 1 lớp/200 hộ = 811 lớp)	MTTQVN & các tổ chức đoàn thể tỉnh	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - UBND cấp huyện; - UBND cấp xã.		12.165.000				
2021-2025			Phát thông điệp về bảo vệ môi trường hàng ngày trên đài PTTH Hậu Giang (thời lượng phát 30	Đài PTTH Hậu Giang	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - Cơ quan, đơn vị cơ		1.200.000				

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Nguồn kinh phí (nghìn đồng)				Tổng (nghìn đồng)
							Ngân sách địa phương		Trung ương	Xã hội hóa	
							Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
				giây đến 1 phút/ngày; phát 5 năm liên tục)		liên quan.					
II	Chương trình nâng cao nguồn lực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng						24.254.880	2.073.000	-	1.356.550.000	1.382.877.880
1	Thí điểm các mô hình về phân loại, thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn	Thí điểm, lựa chọn được mô hình về phân loại, thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn phù hợp, có hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom CTRSH ở đô thị và nông thôn	2021	Thí điểm các mô hình về phân loại, thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn; đánh giá và chuyển giao để nhân rộng mô hình có hiệu quả. - Mô hình ở khu vực đô thị tại một phường khoảng 2.500 hộ). - Mô hình ở khu vực nông thôn tại một xã khoảng 1.000 hộ ở khu vực chưa có tuyến thu gom. + xử lý bằng biogas tập trung (1 biogas/100 hộ x 500 hộ = 5 biogas) + xử lý bằng ủ phân compost tập trung (1 hầm ủ/100 hộ x 500 hộ = 5 hầm ủ). - Đánh giá các mô hình đang triển khai, đề xuất nhân rộng mô hình có hiệu quả.	Sở TN&MT	- Sở KH&CN; - UBND thành phố Vị Thanh; UBND thành phố Ngã Bảy; - Cơ quan, đơn vị có liên quan.		2.073.000			2.073.000
2	Đầu tư xe thu gom CTRSH và bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; thùng rác tạo cảnh quan môi trường tại khu vực công cộng	- Nâng cao tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng - Cải thiện và nâng cao cảnh quan môi trường khu vực công cộng	2022-2025	Hỗ trợ xe đẩy tay thu gom rác cho Tổ vệ sinh môi trường được thành lập ở ấp, khu vực (cho ấp, khu vực còn tuyến đường chưa được thu gom của công trình đô thị): - Phường, thị trấn: 133 ấp, khu vực x 1 tổ/ấp, khu vực x 2 xe/tổ = 266 xe. - Xã: 391 Ấp x 01 tổ/ấp x 2 xe/tổ = 782 xe.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện.	3.144.000				7.168.000
			2022-2025	Đầu tư xe kéo, xe đẩy tay chuyên dụng thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng cho Tổ vệ sinh môi trường được thành lập ở ấp, khu vực (cho ấp, khu vực có sản xuất nông nghiệp): 511 Ấp, khu vực x 1 tổ/ấp, khu vực x 1 xe/tổ = 511 xe.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện.	2.044.000				
			2022-2025	Lắp đặt thùng rác tạo cảnh quan môi trường tại trục lộ giao thông	UBND huyện, thị xã,	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT;	1.980.000				

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Nguồn kinh phí (nghìn đồng)				Tổng (nghìn đồng)
							Ngân sách địa phương		Trung ương	Xã hội hóa	
							Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
				có bờ kè, công viên ở các trung tâm đô thị: 132.000m x 1 thùng/100m = 1.320 thùng.	thành phố	- MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện.					
3	Đầu tư xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	- Nâng cao tỷ lệ thu gom, lưu trữ, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	2022-2025	Xây dựng bổ sung bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đáp ứng với khối lượng phát sinh tại các khu vực sản xuất nông nghiệp của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh: 2.566 bể (Tp. Vị Thanh 97 bể; Tp. Ngã Bảy 100 bể; Tx. Long Mỹ 257 bể; huyện Châu Thành 231 bể; huyện Châu Thành A 261 bể; huyện Long Mỹ 456 bể; huyện Phụng Hiệp 791 bể; huyện Vị Thủy 373 bể).	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện.	10.264.000				10.264.000
4	Trồng bổ sung cây xanh tại các trục lộ giao thông và khu vực công cộng	Cải thiện và nâng cấp cảnh quan môi trường khu vực công cộng	2022 - 2025	Trồng bổ sung cây xanh tại đoạn đường quốc lộ, tỉnh lộ, nội ô đô thị chưa có cây xanh bóng mát (108 km x 10m/01 cây = 10.800 cây).	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; Sở XD; Sở GTVT; - UBND cấp xã.	3.780.000				6.822.880
			2022 - 2025	Trồng bổ sung cây xanh tại đoạn đường ngoại ô đô thị, nông thôn chưa có cây xanh bóng mát (715,22 km x 01 cây/10m = 71.522 cây).	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; Sở XD; Sở GTVT; - UBND cấp xã.	2.860.880				
			2022 - 2025	Trồng bổ sung cây xanh trong khu vực công cộng còn thiếu cây xanh bóng mát (10.408 m ² x 01 cây/20m ²) = 520 cây.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; Sở XD; Sở GTVT; - UBND cấp xã.	182.000				
5	Hỗ trợ kinh phí cho Tổ vệ sinh môi trường ở địa phương thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Nâng cao tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	2021 - 2025	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động thu gom rác (sau phân loại) từ hộ gia đình đến điểm tập kết giao vận chuyển, xử lý: 524 Ấp, khu vực x 1 tổ/ấp, khu vực x 5 năm = 2.620 tổ.	UBND các phường, thị trấn	- Phòng TN&MT cấp huyện; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể xã; - Người dân.				31.440.000	36.550.000
			2021 - 2025	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ bể chứa đến điểm tập kết giao vận chuyển xử lý: 511 Ấp, khu vực x 1 Tô/ấp, khu vực x 5 người/tô x 2 lần thu gom, vận chuyển/năm x 5 năm = 25.550 lượt người.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện; - UBND cấp xã; - Người dân.				5.110.000	

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Nguồn kinh phí (nghìn đồng)				Tổng (nghìn đồng)
							Ngân sách địa phương		Trung ương	Xã hội hóa	
							Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
6	Hoàn thành nhà máy điện rác	Xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	2021-2025	Hoàn thành xây dựng nhà máy điện rác đảm bảo đi vào hoạt động để xử lý rác sinh hoạt của tỉnh.	Chủ đầu tư	- Các sở, ngành có liên quan; - UBND huyện Phụng Hiệp.				1.320.000.000	1.320.000.000
III	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và đúng quy định						-	117.186.580	-	200.000	117.386.580
1	Chi phí xử lý CTRSH tại nhà máy điện rác	Xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu BVMT	2022-2025	Năm 2022: 210 tấn/ngày x 365 ngày/năm = 76.650 tấn Năm 2023: 214 tấn/ngày x 365 ngày/năm = 78.110 tấn Năm 2024: 218 tấn/ngày x 365 ngày/năm = 79.570 tấn Năm 2025: 222 tấn/ngày x 365 ngày/năm = 81.030 tấn	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở TC; Sở XD; - Đơn vị thu gom CTRSH.		114.475.680			114.475.680
2	Chi phí xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đúng quy định	2021-2025	Thuê xử lý Năm 2021 (đạt 10% khối lượng phát sinh): 9.703kg Thuê xử lý Năm 2022 (đạt 20% khối lượng phát sinh): 19.406kg Thuê xử lý Năm 2023 (đạt 30% khối lượng phát sinh): 29.109kg Thuê xử lý năm 2024 (đạt 40% khối lượng phát sinh): 38.812kg Thuê xử lý năm 2025 (đạt 50% khối lượng phát sinh): 48.515kg	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện; - UBND cấp xã; - Doanh nghiệp, người dân.		2.710.900		200.000	2.910.900
IV	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường các bãi rác hiện hữu						51.900.000		51.900.000	-	103.800.000
1	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Tân Tiến	Khắc phục ô nhiễm bãi rác Tân Tiến	2023-2025	Thực hiện các hạng mục đóng cửa, cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Tân Tiến (Diện tích: 11.152 m ²).	Chủ đầu tư	Sở TN&MT; Sở XD; Sở KH&ĐT; Sở TC.	23.400.000		23.400.000		46.800.000
2	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Long Mỹ	Khắc phục ô nhiễm bãi rác Long Mỹ	2023-2025	Thực hiện các hạng mục đóng cửa, cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Long Mỹ (Diện tích 13.349 m ²).	Chủ đầu tư	Sở TN&MT; Sở XD; Sở KH&ĐT; Sở TC.	28.500.000		28.500.000		57.000.000
B	Giai đoạn 2026-2030						-	286.601.900	-	36.950.000	323.551.900
1	Tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên phương tiện thông tin đại chúng	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân	2026 -2030	Xây dựng chuyên đề phát trên các phương tiện thông tin đại chúng (4 chuyên đề /năm x 5 năm = 20 chuyên đề).	Sở TN&MT	- Sở TT&TT; - Đài PTTH Hậu Giang.		1.000.000			1.000.000
2	Hỗ trợ kinh phí cho Tổ vệ sinh môi trường ở địa phương thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH, bao gói thuốc BVTV sau	Duy trì hoạt động Tổ thu gom để thu gom, vận chuyển CTRSH và bao gói thuốc BVTV để chuyển giao vận	2026 -2030	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động thu gom rác (sau phân loại) từ hộ gia đình đến điểm tập kết giao vận chuyên, xử lý: 524 Ấp, khu vực x 1 tổ/ấp, khu vực x 5 năm = 2.620 tổ.	UBND các phường, thị trấn	- Phòng TN&MT cấp huyện; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể xã; - Người dân.				31.440.000	36.550.000

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Nguồn kinh phí (nghìn đồng)				Tổng (nghìn đồng)
							Ngân sách địa phương		Trung ương	Xã hội hóa	
							Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
	sử dụng	chuyên, xử lý	2026 -2030	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ bể chứa đến điểm tập kết giao vận chuyên xử lý: 511 Ấp, khu vực x 1 Tô/ấp, khu vực x 5 người/tô x 2 lần thu gom, vận chuyển/năm x 5 năm = 25.550 lượt người.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện; - UBND cấp xã; - Người dân.				5.110.000	
3	Chi phí xử lý CTRSH tại nhà máy điện rác	Xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu BVMT	2026-2030	Xử lý rác tại nhà máy điện rác từ năm 2026 - 2030: 420 tấn/ngày x 365 ngày/năm x 5 năm = 766.550 tấn.	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở TC; Sở XD; - Đơn vị thu gom CTRSH.		278.239.500			278.239.500
4	Chi phí xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đúng quy định	2026-2030	Thuê xử lý Năm 2026 (đạt 60% khối lượng phát sinh): 9.703kg Thuê xử lý Năm 2027 (đạt 70% khối lượng phát sinh): 67.921kg Thuê xử lý Năm 2028 (đạt 80% khối lượng phát sinh): 77.624kg Thuê xử lý năm 2029 (đạt 90% khối lượng phát sinh): 87.327kg Thuê xử lý năm 2030 (đạt 100% khối lượng phát sinh): 97.030kg	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; - MTTQVN & các tổ chức đoàn thể huyện; - UBND cấp xã; - Doanh nghiệp, người dân.		7.362.400		400.000	7.762.400

* Ghi chú: Đề án kèm theo.